

maand gii uscc
5+30-88



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN TÔN DUYÊN
Last Middle First

Current Address 50/502 GIA LONG - PHƯỜNG 7 - QUẬN GÒ VẤP - HỒ
Date of Birth 12/16/51 Place of Birth VIỆT NAM CHÍ MINH VIỆT NAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGUYỄN VINH THOẠI
NGUYỄN THỊ THU - HƯƠNG TẶNG THỊ BÍCH ĐÀO
NGUYỄN NGỌC THÚY

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 02/04/78 To 10/26/84

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

Phan cách Mạng

NAME

RELATIONSHIP

NAME

RELATIONSHIP

Form Completed By:

MAUNG H G. D. T. N. C. T. V. N
Name F. V. N. P. P. A
P O Box 5435
Arlington, VA 22206
Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

mand giu uscc
5-30-88



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-8625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN TÔN DUYÊN
Last Middle First

Current Address 50/502 GIA LONG - PHƯỜNG 7 - QUẬN GÒ VẤP - HỒ
CHÍ MINH VIỆT NAM

Date of Birth 12/16/51 Place of Birth VIỆT NAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGUYỄN VINH THOẠI
NGUYỄN THỊ THU - HƯƠNG TẶNG THỊ BÍCH ĐÀO
NGUYỄN NGỌC THÚY

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 02/04/78 To 10/26/84

Names of Relatives/Acquaintances:

Phản cách Mạng

NAME

REL

RELATIONSHIP

Form Completed By:

NAME H G. D. T. N. C. T. V. N
Name E. V. N. P. P. A.
Address P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

ODP CHECK FORM

Date: Aug 26 - 1989

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: NGUYEN - TON DUyen

Date of Birth: 12-16-1951

Address in VN 50/502 Gia Long - P7 - Q. Go Vap
Hochiminh City

Spouse Name: _____

Number of Accompanying Relatives: 6

Reeducation Time: 06 Years 08 Months Days

IV # 211.025

VEWL # _____

I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks:
(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. # _____



Embassy of the United States of America

DATE: JAN 29, 90

IV: 241025

PA: NGUYEN TON DUyen

KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

Dear KHUC MINH THO

This is in response to your inquiry of DEC 7, 89 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on NGUYEN TON DUyen's 6 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program

DEPARTMENT OF STATE, U.S.A.

OFFICIAL BUSINESS

PENALTY FOR PRIVATE USE, \$300

AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP)
BOX 58
APO SAN FRANCISCO 96346-0001

AN EQUAL OPPORTUNITY EMPLOYER



POSTAGE AND FEES PAID
DEPARTMENT OF STATE
STA-501

KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P. O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

JAN 30 1990

(IV. 211025)

Saigon ngày 17 tháng 11 năm 1988.

Hình gửi Bà Như Minh Thơ
Chú tịch Hội gia đình tù nhân chính trị VN.
PO BOX 5435 - ARLINGTON VA 22205-0635.

Hình Bà,

Chúng tôi trân trọng xin thông báo đến quý hội về tình trạng thay đổi của chúng tôi như sau; theo tình hình thông cáo của quý hội vừa phổ biến:

1) Nguyễn Thanh Trã, sinh năm 1933 tại Long An, chuẩn rúy, số quân 58/600 312, đến vì cuối cùng Bộ Tư lệnh không quân - RSC 3011 bị bắt vì tội tham gia tổ chức Khúc Hưng ngày 27/2/78, cải tạo tại trại quân lực Việt Nam HT. Z30A được trả tự do ngày 30/8/88 quân chế 12 tháng do giấy ra trại số 773/GR ngày 30/8/88 do trại quân lực cấp ra gửi hồ sơ đến quý hội vào đầu năm 1985, đã được đưa sang Mỹ tại Bangkok cấp L 01 ngày 10/9/85 số IV 81.737 và số UEWL 32.998

2) Nguyễn Tôn Duyên, sinh năm 1957 tại Hạnh Thông Xã Gò Vấp, chuẩn rúy số quân 71/131-714 đến vì cuối cùng Bộ Tư lệnh không quân y 9 LINCH. Bị bắt vì tội hoạt động Khúc Hưng ngày 11/2/78, cải tạo tại trại quân lực Việt Nam HT. Z30A được trả tự do ngày 26/10/84 quân chế 12 tháng do giấy ra trại số 1013/GR ngày 26/10/84 do trại quân lực Việt Nam cấp. đã gửi hồ sơ đến quý hội vào giữa năm 1985 đã được đưa sang Mỹ tại Bangkok cấp thư theo mẫu ODP-20 (0434F-2/85) mục thứ 2 cấp số IV 211025 ngày 12/5/86 đến nay vẫn chưa được cấp L 01.

Anh em chúng tôi luôn tin tưởng và đặt nhiều hy vọng nơi quý Bà, chúng tôi thành kính nguyện cầu ơn thần Trời Phật gia hộ cho quý Bà sức khỏe dồi dào, đầy đủ nghị lực, vượt qua mọi thử thách, giúp đỡ anh em chúng tôi những người bất hạnh còn đang róng rọi quê nhà tìm đất được ý nguyện. Kính mong quý Bà hiểu và thông cảm cho hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi. Chúng tôi kính mong quý Bà nhận cho lời đầy lòng thành kính và lời biết ơn chân thành của chúng tôi.

Trân trọng kính chào.


Nguyễn Thanh Trã
44/10 Phạm Đức Long F3 quân Phái Nhuận
TP/Hồ Chí Minh Việt Nam.

Hố Chí Minh City, Mars 17th 1985

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Câu hỏi cho người nộp đơn

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : NGUYEN TEN DUyen Sex : M
2. Other Name : /
3. Date / Place of Birth : 16.12.1951 Gia Dinh
4. Residence address : 50/502 Gia Long - Phường 7 - Quận Gò Vấp - TP HCM
5. Mailing address : 50/502 Gia Long - Phường 7 - Quận Gò Vấp - TP HCM
6. Current occupation : - không nghề nghiệp nào cả

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you: List Marital Status (MS) as follows: Married (M) divorced (D) widowed (W) or Single (S)

NAME	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
1. NGUYEN THI LUONG	1925	Gia Dinh	F	Widowed	Mother
2. NGUYEN THI THU - HUONG	1957	Sai Gon	F	Married	Wife
3. NGUYEN NGOC PHUONG	1949	Sai Gon	F	Single	Sister
4. NGUYEN NGOC THUY	1957	Sai Gon	F	Single	Sister
5. NGUYEN VINH THOI	1954	Sai Gon	M	Married	Brother
6. TANG THI BICH DAO	1964	Lam Dong	F	Married	Sister-in-law

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates (if married) divorces decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed) identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below.

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest relatives in the U.S

- a. Name /
- b. Relationship /
- c. Address /
- d. Date of relatives arrival /

2. Closest Relative in other Foreign Countries

- a. Name /
- b. Relationship /
- c. Address /

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living / dead)

1. Father : None
2. Mother : NGUYEN THI LUONG (Living) 50/502 Gia Long - Phường 7 - Quận Gò Vấp
3. Spouse : NGUYEN THI THU - HUONG (Living) 44/10 Phan Xich Long - Phường 10 - Quận Gò Vấp
4. Former spouse (if any) : /
5. Children : /
6. Siblings :
 1. NGUYEN NGOC PHUONG (Living) - 50/502 Gia Long - Phường 7 - Quận Gò Vấp
 2. NGUYEN NGOC THUY (") - " -
 3. NGUYEN VINH THOI (") - " -
 4. TANG THI BICH DAO (") - " -

EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Employee Name ☒
2. Position title ☒
 - Agency / Company / Office ☒
 - Length of Employment ☒ From ☒ To ☒
 - Name of American Supervisor ☒
 - Reason for separation ☒
2. Employee Name ☒
 - Position title ☒
 - Agency / Company / Office ☒
 - Length of Employment ☒ From ☒ To ☒
 - Name of American Supervisor ☒
 - Reason for separation ☒

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAT BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Serving: NGUYEN TON DUYEN
2. Dates: 3 years From: 22.5.1972 To: 30.4.1975
3. Last rank: Aspirant Serial Number: 71/131 719
4. Ministry / Office / Military unit: CUC QUAN Y
5. Name of Supervisor / CO: HOANG CO LAN Chuẩn Truống
6. Reason for separation: 30.4.1975
7. Name of American Supervisor (S.) ☒
8. U.S. Training Courses in Vietnam ☒
9. U.S. awards or Certificates: ☒

Name of award:

Date received:

Note: please attach any copies of diplomas, awards or Certificates, if available.
Yes: ☒ No: ☒

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student / trainee ☒
2. School and school address ☒
3. Dates ☒ From ☒ To ☒
4. Description of Courses ☒
5. Who paid for training ☒

Note: please attach copies of diplomas or orders if available. Available? yes - ☒ no - ☒

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person in re-education: NGUYEN TON DUYEN
2. Time in re-education: 6 years and 8 months From: 4.2.1978 To: 25.10.1984
3. Still in re-education? Yes ☒ No: ☒

(if released, we must have a copy of your release certificate)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

Signature: NGUYEN TON DUYEN

DATE: March 17th 1985

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- 01 (one) copy of my release certificate.

BỘ NỘI VỤ
Trại Quản lý
Số 1012 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	3	3	7	8	2	0	7	9	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ,

Thi hành án văn, quyết định thụ số 334/QĐ ngày 29 tháng 09 năm 1984

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn tôn Duyên

Sinh năm 1951

Các tên gọi khác

Nơi sinh Gia đình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 50/502 Gia long, Gò vấp, TP/HCM

Can tội Hoạt động tổ chức phục hưng

Bị bắt ngày 04/02/1978 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 50/502 Gia long, Gò vấp, TP/ Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 Tháng

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 10 tháng II năm 1984

Lưu tay ngón trở phải
Của Nguyễn tôn Duyên
Danh bìn số _____
Lập tại _____

Họ tên, chữ kí
người được cấp giấy

Ngày 29 tháng 10 năm 1984

P/ Giám thị

Đại úy: VU HANG

Nguyễn tôn Duyên
852151

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CHỖ CHẤM GIỜNG Y DẠ CHỈNH

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ GGP/Data
____ Membership letter ✓ 3/18/90